

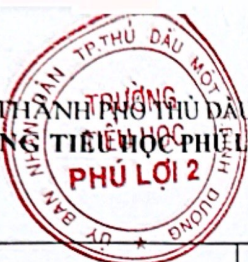
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2



THỐNG KÊ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(GIỮA KÌ I)



NĂM HỌC 2024-2025



THỐNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH GIỮA KÌ I

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Tỉ lệ(%)	Nội Trú	Tỉ lệ(%)	Bán Trú	Tỉ lệ(%)	Ghi chú
1/1	38	21	55.26	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Huỳnh Thị Ngọc Nga
1/2	38	17	44.74	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hoàng Thị Thiết
1/3	37	20	54.05	1	2.70	1	2.70	0	0.00	0	0.00	GVCN: Phan Thị Tinh
1/4	37	18	48.65	2	5.41	1	2.70	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hồ Thị Mai Nga
1/5	37	18	48.65	1	2.70	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hà Thị Tuyết Trinh
1/6	36	18	50.00	2	5.56	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Việt
1/7	34	17	50.00	1	2.94	1	2.94	0	0.00	0	0.00	GVCN: Huỳnh Tuyết Mai
Tổng Cộng Khối 1	257	129	50.19	7	2.72	3	1.17	0	0.00	0	0.00	
2/1	33	17	51.52	2	6.06	1	3.03	0	0.00	0	0.00	GVCN: Phan Thị Quỳnh Nga
2/2	33	18	54.55	2	6.06	2	6.06	0	0.00	0	0.00	GVCN: Bùi Thủy Hân
2/3	31	17	54.84	2	6.45	1	3.23	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tinh
2/4	40	17	42.50	1	2.50	1	2.50	0	0.00	1	2.50	GVCN: Đặng Thị Ngọc Minh
2/5	38	20	52.63	2	5.26	1	2.63	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Dung
2/6	40	18	45.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tuyết Hoa
2/7	40	19	47.50	1	2.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Trương Thị Mỹ Kiều
Tổng Cộng Khối 2	255	126	49.41	10	3.92	6	2.35	0	0.00	1	0.39	
3/1	39	18	46.15	1	2.56	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Trần Thị Thu Cúc
3/2	39	19	48.72	1	2.56	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Phạm Thị Thu Hà
3/3	37	19	51.35	2	5.41	1	2.70	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Kim Liên
3/4	38	18	47.37	4	10.53	3	7.89	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lương Ái Vy
3/5	39	18	46.15	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Giang Thị Liên
3/6	40	20	50.00	1	2.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Hường
Tổng Cộng Khối 3	232	112	48.28	9	3.88	4	1.72	0	0.00	0	0.00	
4/1	36	18	50.00	6	16.67	4	11.11	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Hiền
4/2	35	21	60.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hoàng Thị Kim Hoa
4/3	36	19	52.78	1	2.78	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Trần Xuân Thìn
4/4	36	16	44.44	2	5.56	1	2.78	0	0.00	0	0.00	GVCN: Phạm Thị Thu Huyền
4/5	36	18	50.00	1	2.78	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Ngọc Ánh
4/6	35	19	54.29	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Thảo
4/7	35	19	54.29	2	5.71	1	2.86	0	0.00	33	94.29	GVCN: Đặng Thị Hồng Nhung
Tổng Cộng Khối 4	249	130	52.21	12	4.82	6	2.41	0	0.00	33	13.25	
5/1	38	21	55.26	1	2.63	1	2.63	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Hào
5/2	36	16	44.44	1	2.78	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Huỳnh Ái Phương
5/3	35	15	42.86	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tiễn
5/4	36	16	44.44	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Ngọc Thúy
5/5	36	18	50.00	4	11.11	3	8.33	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Mai
5/6	37	20	54.05	1	2.70	0	0.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Chu Thị Hà Phương

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC
GIỮA HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2024-2025

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5							
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số						
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		
I. Kết quả học tập																																	
1. Tiếng Việt	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	563	109	65	2	1	0	0	129	74	3	3	0	0	102	51	2	1	0	0	97	70	3	3	0	0	126	78	3	3	0	0	0	
Hoàn thành	606	136	60	4	1	0	0	119	50	7	3	0	2	123	58	5	3	0	0	136	57	8	3	0	0	92	28	4	1	0	0	0	
Chưa hoàn thành	42	12	4	1	1	0	0	7	2	0	0	0	0	7	3	2	0	0	0	16	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Toán	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	630	148	80	5	2	0	0	139	75	5	3	0	1	99	48	2	1	0	0	121	73	5	3	0	0	123	72	3	3	0	0	0	
Hoàn thành	546	101	46	1	0	0	0	110	49	5	3	0	1	125	60	5	3	0	0	115	53	6	3	0	0	95	34	4	1	0	0	0	
Chưa hoàn thành	35	8	3	1	1	0	0	6	2	0	0	0	0	8	4	2	0	0	0	13	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Khoa học	467	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	307																			151	92	7	5	0	0	156	87	5	4	0	0	0	
Hoàn thành	160																			98	38	5	1	0	0	62	19	2	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Lịch sử và Địa lí	467	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	292																			142	85	6	4	0	0	150	86	5	4	0	0	0	
Hoàn thành	175																			107	45	6	2	0	0	68	20	2	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. Ngoại ngữ 1	255	0	0	0	0	0	0	255	126	10	6	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	108	0	0	0	0	0	0	108	55	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	146	0	0	0	0	0	0	146	71	8	5	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6. Ngoại ngữ 1	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	324													118	57	4	4	0	0	105	69	4	3	0	0	101	56	3	3	0	0	0	
Hoàn thành	370													109	53	5	0	0	0	144	61	8	3	0	0	117	50	4	1	0	0	0	
Chưa hoàn thành	5													5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. Tin học và Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. Đạo đức	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	767	148	88	2	2	0	0	150	87	4	3	0	0	123	65	2	1	0	0	184	111	9	5	0	0	162	89	6	4	0	0	0	
Hoàn thành	444	109	41	5	1	0	0	105	39	6	3	0	2	109	47	7	3	0	0	65	19	3	1	0	0	56	17	1	0	0	0	0	

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
9. Tự nhiên và Xã hội	744	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	395	134	82	2	1	0	0	139	80	5	3	0	0	122	62	2	1	0	0											
Hoàn thành	349	123	47	5	2	0	0	116	46	5	3	0	2	110	50	7	3	0	0											
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0											
10. Âm nhạc	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	484	100	75	2	1	0	0	123	64	4	2	0	1	78	39	1	1	0	0	88	58	6	4	0	0	95	51	5	3	0
Hoàn thành	714	147	53	5	2	0	0	132	62	6	4	0	1	151	73	8	3	0	0	161	72	6	2	0	0	123	55	2	1	0
Chưa hoàn thành	13	10	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11. Mỹ thuật	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	333	52	42	1	1	0	0	77	56	2	2	0	0	59	40	1	1	0	0	69	61	3	3	0	0	76	53	3	2	0
Hoàn thành	787	169	81	5	2	0	0	178	70	8	4	0	2	173	72	8	3	0	0	127	56	6	3	0	0	140	53	4	2	0
Chưa hoàn thành	91	36	6	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	53	13	3	0	0	0	2	0	0	0	0
12. Thủ công, Kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13. Tin học và Công nghệ (Cần nghề)	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	238													50	25	1	0	0	0	77	56	6	4	0	0	111	66	3	3	0
Hoàn thành	460													181	87	8	4	0	0	172	74	6	2	0	0	107	40	4	1	0
Chưa hoàn thành	1													1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14. Tin học và Công nghệ (Tin học)	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	158													50	24	1	0	0	0	43	33	3	2	0	0	65	38	2	1	0
Hoàn thành	538													180	88	8	4	0	0	206	97	9	4	0	0	152	68	5	3	0
Chưa hoàn thành	3													2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
15. Giáo dục thể chất	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	670	159	91	4	2	0	0	125	84	4	2	0	0	130	68	2	1	0	0	134	100	6	3	0	0	122	77	5	3	0
Hoàn thành	541	98	38	3	1	0	0	130	42	6	4	0	2	102	44	7	3	0	0	115	30	6	3	0	0	96	29	2	1	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16. Hoạt động trải nghiệm	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	728	140	78	3	1	0	0	151	88	4	3	0	0	129	65	2	1	0	0	161	94	6	4	0	0	147	82	5	4	0
Hoàn thành	483	117	51	4	2	0	0	104	38	6	3	0	2	103	47	7	3	0	0	88	36	6	2	0	0	71	24	2	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Năng lực cốt lõi																														
1. Tự chủ và tự học	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	755	137	82	3	1	0	0	136	79	4	3	0	0	147	74	3	2	0	0	164	100	6	4	0	0	171	92	6	4	0
Đạt	450	118	46	4	2	0	0	118	47	6	3	0	2	82	36	5	2	0	0	85	30	6	2	0	0	47	14	1	0	0
Cần cố gắng	6	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	767	131	80	3	1	0	0	140	77	5	4	0	0	157	77	3	2	0	0	168	102	8	5	0	0	171	91	6	4	0
Đạt	439	124	48	4	2	0	0	115	49	5	2	0	2	72	33	5	2	0	0	81	28	4	1	0	0	47	15	1	0	0
Cần cố gắng	5	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

3. GQI'D và sáng tạo		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		729	124	75	3	1	0	0	133	76	4	3	0	0	142	73	3	2	0	0	158	95	6	4	0	0	172	92	6	4	0	0
Đạt		475	131	53	4	2	0	0	120	50	6	3	0	2	87	37	5	2	0	0	91	35	6	2	0	0	46	14	1	0	0	0
Cần cố gắng		7	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Ngôn ngữ		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		759	131	76	3	1	0	0	140	80	3	3	0	1	156	79	3	2	0	0	163	101	7	5	0	0	169	91	6	4	0	0
Đạt		442	124	52	4	2	0	0	113	46	7	3	0	1	73	31	5	2	0	0	83	29	4	1	0	0	49	15	1	0	0	0
Cần cố gắng		10	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Tính toán		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		754	134	78	3	1	0	0	142	80	6	4	0	1	155	78	3	2	0	0	164	94	7	4	0	0	159	90	5	4	0	0
Đạt		447	121	50	4	2	0	0	112	46	4	2	0	1	74	32	5	2	0	0	81	35	4	2	0	0	59	16	2	0	0	0
Cần cố gắng		10	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	4	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Khoa học		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		756	127	77	3	1	0	0	135	80	3	3	0	0	158	80	4	2	0	0	164	98	7	4	0	0	172	92	6	4	0	0
Đạt		452	130	52	4	2	0	0	120	46	7	3	0	2	71	30	4	2	0	0	85	32	5	2	0	0	46	14	1	0	0	0
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Công nghệ		699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		460	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	139	73	3	2	0	0	151	92	7	5	0	0	170	92	7	4	0	0
Đạt		236	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	90	37	5	2	0	0	98	38	5	1	0	0	48	14	0	0	0	0
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Tin học		699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		456	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	141	74	3	2	0	0	144	88	6	4	0	0	171	91	6	4	0	0
Đạt		240	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	88	36	5	2	0	0	105	42	6	2	0	0	47	15	1	0	0	0
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Thẩm mỹ		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		742	117	72	3	1	0	0	136	80	3	3	0	0	157	80	4	2	0	0	159	98	7	4	0	0	173	93	7	4	0	0
Đạt		466	140	57	4	2	0	0	119	46	7	3	0	2	72	30	4	2	0	0	90	32	5	2	0	0	45	13	0	0	0	0
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể chất		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		823	134	81	4	2	0	0	159	91	6	5	0	1	174	86	3	2	0	0	174	101	8	5	0	0	182	95	6	4	0	0
Đạt		385	123	48	3	1	0	0	96	35	4	1	0	1	55	24	5	2	0	0	75	29	4	1	0	0	36	11	1	0	0	0
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu																																
1. Yêu nước		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		995	160	90	4	2	0	0	197	109	6	5	0	1	220	108	6	3	0	0	230	125	11	6	0	0	188	95	7	4	0	0
Đạt		216	97	39	3	1	0	0	58	17	4	1	0	1	12	4	3	1	0	0	19	5	1	0	0	0	30	11	0	0	0	0
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		989	161	91	4	2	0	0	196	109	6	5	0	1	217	108	6	3	0	0	232	125	11	6	0	0	183	93	7	4	0	0
Đạt		222	96	38	3	1	0	0	59	17	4	1	0	1	15	4	3	1	0	0	17	5	1	0	0	0	35	13	0	0	0	0
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ		1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0
Tốt		847	150	88	4	2	0	0	177	97	4	4	0	0	169	88	3	2	0	0	184	109	7	4	0	0	167	91	5	4	0	0

Đạt	364	107	41	3	1	0	0	78	29	6	2	0	2	63	24	6	2	0	0	65	21	5	2	0	0	51	15	2	0	0	0	0	
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Trung thực	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	0
Tốt	922	154	89	4	2	0	0	193	107	6	5	0	0	206	101	4	2	0	0	193	115	9	5	0	0	176	92	6	4	0	0	0	0
Đạt	289	103	40	3	1	0	0	62	19	4	1	0	2	26	11	5	2	0	0	56	15	3	1	0	0	42	14	1	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. Trách nhiệm	1211	257	129	7	3	0	0	255	126	10	6	0	2	232	112	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	0
Tốt	891	155	89	4	2	0	0	185	103	6	5	0	0	180	92	3	2	0	0	192	113	8	5	0	0	179	92	7	4	0	0	0	0
Đạt	320	102	40	3	1	0	0	70	23	4	1	0	2	52	20	6	2	0	0	57	17	4	1	0	0	39	14	0	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
IV. Đánh giá KQHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Hoàn thành xuất sắc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
V. Khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Giấy khen cấp trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VI. HSDT được trợ giảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VII. HS.K.Tật không ĐG	2	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VIII. HS bỏ học HK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Hoàn cảnh GDKK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ KK trong học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Xa trường, đi lại K.khân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
+ Nguyên nhân khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Phụ Lợi, ngày 15 tháng 11 năm 2024

Hiệu trưởng

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
PHÚ LỢI 2

Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập bảng

Phạm Ngọc Nhung